



**TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

## **ĐIỀU LỆ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

*(Đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/4/2013)*

Địa chỉ: 21A Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội  
ĐT: 04.3845.5777 - Fax: 04.3823.2325 - Website: [www.ceco.com.vn](http://www.ceco.com.vn)

## PHẦN MỞ ĐẦU

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất được chuyển từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty Thiết kế Công nghiệp Hoá chất thành Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất theo Quyết định số 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất thông qua ngày 20 tháng 4 năm 2013 (thay thế cho Điều lệ Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2010; sửa đổi, bổ sung ngày 08 tháng 4 năm 2012).

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hoá chất.

 Nguyễn Văn Phan

1/47





# CHƯƠNG I

## ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a) "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;

b) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

c) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu: Ngày 24/02/2006 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội;

d) Đơn vị thuộc Công ty gồm: Văn phòng Đại diện, Chi nhánh, Trung tâm, Phòng, Xí nghiệp;

e) "Cán bộ quản lý" là Giám đốc Công ty, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm;

f) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;

g) "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

h) "Công ty" là Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất;

i) "Đại hội đồng cổ đông" gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần;



j) "Hội nghị Đại hội đồng cổ đông" là các phiên họp, buổi làm việc của toàn bộ các cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền của cổ đông;

k) "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều, khoản của Điều lệ này) được sử dụng chỉ nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

  2147

## CHƯƠNG II TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất
- Tên tiếng Anh: Chemical Industry Engineering Joint Stock Company
- Tên viết tắt: CECO

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: 21A Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.
- Điện thoại: (84 - 4) 38.455.777.
- Fax: (84 - 4) 38.232.325
- Website: www.ceco.com.vn
- Email: engineering@ceco.com.vn

4. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện, Xí nghiệp sản xuất tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 50 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

## CHƯƠNG III LĨNH VỰC, MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

**Điều 3. Lĩnh vực và mục tiêu hoạt động của công ty**

1. Lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; Tư vấn xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình;
- Khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các

 3147

công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường;

- Thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất;
- Sản xuất một số sản phẩm hóa chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm);
- Tổng thầu các công trình có vốn đầu tư nước ngoài;
- Thầu và tổng thầu (EPC) xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có qui mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng);
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan;
- Thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường;
- Đánh giá tác động môi trường;
- Cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp;
- Xử lý chất thải công nghiệp;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV;
- Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV;
- Thẩm tra, thẩm định các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng, các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan;
- Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy;
- Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại;
- Phá dỡ;

  4/47  

- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu công trình công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng;
- Ngành nghề được bổ sung trong quá trình hoạt động của Công ty.

## 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Không ngừng đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu - phát triển, sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường năng lực cạnh tranh của công ty, thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, góp phần đảm bảo an ninh kinh tế chính trị đất nước.

## **Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

1. Công ty được quyền tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh như quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của Pháp luật, và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty;

2. Công ty được quyền tiến hành những hoạt động kinh doanh khác khi Đại hội đồng cổ đông thông qua và Pháp luật cho phép.

## **CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

### **Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần**

1. Tại ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là 29.885.180.000 VNĐ (Hai mươi chín tỷ, tám trăm tám mươi năm triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng Việt Nam), được chia thành 29.885.180 cổ phần, với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Tại ngày thông qua Điều lệ này, Công ty chỉ phát hành loại cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng.

4. Công ty có quyền phát hành các loại cổ phiếu và các quyền kèm theo cổ phiếu để huy động vốn phát triển sản xuất kinh doanh. Việc phát hành thêm các loại cổ phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật;

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

## **Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Điều 85 Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở

 Nguyễn Hoàng Châu<sup>6/47</sup>

hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

### **Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

### **Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Việc chuyển nhượng cổ phần phải theo đúng quy trình quản lý, chuyển nhượng cổ phần do Công ty ban hành.

### **Điều 9. Thừa kế cổ phần**

1. Việc thừa kế cổ phần sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế và các quy định khác có liên quan.

2. Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:

a) Người thừa kế duy nhất theo luật định;

b) Trường hợp có nhiều người cùng hàng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng theo đúng quy định pháp luật. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.

3. Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế sẽ được đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế để trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi cũng như thực hiện mọi nghĩa vụ có liên quan của cổ đông mà họ thừa kế.

4. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Cổ phần của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý khác cũng được tự do thừa kế nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

### **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó

   
 The bottom of the page features four handwritten signatures in blue ink. The second signature from the left is clearly legible as 'Nguyễn Văn Phan' with the number '7147' written next to it. The other three signatures are more stylized and less legible.



thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

## CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

### Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý bao gồm

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị.
3. Ban Kiểm soát.
4. Giám đốc.

## CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 12. Quyền hạn của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc

 8/47

thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên, có các quyền sau:


a) Đề cử các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tại các khoản 5 Điều 24 và khoản 4 Điều 33 của Điều lệ này;

b) Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập hội nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp: Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao, hoặc nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế;

c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại hội nghị Đại hội đồng cổ đông;

d) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;

e) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu

The bottom of the page features several handwritten signatures in blue ink. On the left, there is a signature that appears to be 'Lup'. In the center, there is a signature that looks like 'Ngô Văn Cường' followed by 'Thuan' and the number '0147'. To the right, there are two more signatures, one that looks like 'muong' and another that looks like 'Luhul'. There are also some faint red markings on the right edge of the page.

trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;;

f) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị làm đại diện cho mình tại hội nghị Đại hội đồng cổ đông.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ và thông tin chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.

3. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c) Khi số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm từ ba (03) thành viên trở lên;

 Nguyễn Công Tuấn 10/47

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

e) Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi Ban Kiểm soát có bằng chứng về việc các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc các cán bộ quản lý của Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ được quy định tại Điều 119 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị và các cán bộ quản lý hành động hoặc chuẩn bị hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

#### 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

a) Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị giảm từ 3 thành viên trở lên hoặc nhận được yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này hoặc yêu cầu của Ban Kiểm soát và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

b) Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự hội nghị Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 15. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- b) Báo cáo của Hội đồng Quản trị;
- c) Báo cáo của Ban Kiểm soát;
- d) Định hướng phát triển của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định

  11/47





về các vấn đề sau:

- a) Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- c) Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị;
- d) Lựa chọn công ty kiểm toán;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
- f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
- g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- l) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- m) Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- n) Việc Giám đốc Công ty đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
- o) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- p) Việc thành lập quỹ và tỷ lệ trích lập các quỹ;
- q) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a) Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

 Nguyễn Văn Tuấn 12/47

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại hội nghị Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 16. Đại diện được ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 17. Triệu tập hội nghị Đại hội đồng cổ đông, Chương trình và Thông báo về hội nghị Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp

 Nguyễn Văn Tuấn 13/47

Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày bắt đầu tiên hành họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức họp;

c) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông, đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của công ty và thực hiện công bố thông tin theo các quy định liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc hội nghị Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;

d) Các trường hợp khác.

6. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

 Nguyễn Văn Khoa 14/47

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại hội nghị Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập hội nghị Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

### **Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội nghị Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Hội nghị Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức hội nghị Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Hội nghị Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp hội nghị lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, hội nghị Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành hội nghị lần hai và trong trường hợp này hội nghị được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại hội nghị Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

### **Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại hội nghị Đại hội đồng cổ đông**

1. Vào ngày tổ chức hội nghị Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại hội nghị, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Hội nghị bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông đến dự hội nghị Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký

 Nguyễn Văn Sơn 15/47



ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại hội nghị. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng hội nghị để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng Quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của hội nghị Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa hội nghị có thể hoãn hội nghị khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

7. Chủ tọa của hội nghị hoặc Thư ký hội nghị có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển hội nghị Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để hội nghị phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự hội nghị Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia hội nghị.

9. Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) họp.

d) Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại hội nghị Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm hội nghị có thể:

   16/47

a) Thông báo hội nghị được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa hội nghị có mặt tại đó (“Địa điểm chính của hội nghị”);

b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của hội nghị có thể đồng thời tham dự hội nghị.

Thông báo về việc tổ chức hội nghị không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia hội nghị ở địa điểm chính của hội nghị.

Hàng năm Công ty tổ chức hội nghị Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

### **Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20 Điều lệ này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại hội nghị Đại hội đồng cổ đông:

- a) Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b) Định hướng phát triển của Công ty;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Giám đốc Công ty.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại hội nghị Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- b) Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán;
- c) Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp;
- d) Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.

3. Đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thì các vấn đề được thông qua khi có ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận.

### **Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua

 Nguyễn Văn Thanh 17/47

quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.



4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

  18/47

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Các quyết định đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

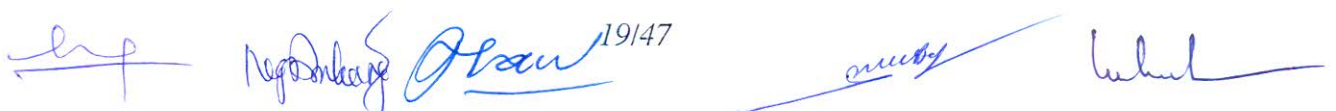
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Người chủ trì hội nghị Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày hội nghị Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại hội nghị Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

## **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

 19/47

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại hội nghị Đại hội đồng cổ đông trong vòng bốn năm (45) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

## CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### **Điều 24. Thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị có năm (05) thành viên, bao gồm Chủ tịch và các thành viên. Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị những nhiệm kỳ sau sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 5 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 5 năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trường hợp có thành viên Hội đồng Quản trị được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị.

3. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

a) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và liêm khiết.

b) Là cổ đông cá nhân của Công ty sở hữu tối thiểu năm phần trăm (5%) vốn điều lệ của Công ty hoặc là người đại diện hợp pháp cho cổ đông pháp nhân nắm giữ tối thiểu mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty.

c) Không phải là người thành lập, tham gia thành lập, tham gia quản lý, điều hành và là thành viên Hội đồng Quản trị của các doanh nghiệp có ngành nghề sản xuất kinh doanh tương tự của Công ty, trừ trường hợp là người đại diện vốn của Công ty tại các doanh nghiệp mà Công ty góp vốn.

d) Không phải là những người thuộc các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh điều

  20147

hành của Công ty.

5. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.

a) Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ trên mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp trở lên có quyền đề cử người để bầu vào Hội đồng Quản trị. Nếu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm trên mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) thì được quyền đề cử một (01) thành viên; nếu chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) thì được quyền đề cử ba (03) thành viên; nếu từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử năm (05) thành viên.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm sẽ đề cử thêm ứng cử viên. Cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

7. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

**Điều 25. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị đương nhiên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Thành viên Hội đồng Quản trị không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Điều lệ này;

b) Thành viên Hội đồng Quản trị xin từ nhiệm bằng văn bản;

c) Thành viên Hội đồng Quản trị mất năng lực pháp lý và năng lực hành vi theo quy định của Pháp luật;

d) Thành viên Hội đồng Quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị mà không có lý do hợp lý và không được Hội đồng Quản trị cho phép;

e) Ngoài các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này,

 Nguyễn Văn Tuấn 21/47

thành viên Hội đồng Quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

3. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị**

1. Hội đồng Quản trị quản lý, giám sát và chỉ đạo thực hiện các hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc Công ty và các chức danh cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Xác định các mục tiêu và chiến lược hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Quyết định và giám sát thực hiện kế hoạch hàng năm của Công ty gồm: kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính - đầu tư, kế hoạch tiếp thị, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch quản lý năng suất - chất lượng, kế hoạch nghiên cứu khoa học - quản lý tri thức, kế hoạch phát triển tin học;

c) Yêu cầu kiểm toán nội bộ khi xét thấy cần thiết; kiểm soát quá trình kiểm toán và xem xét kết luận kiểm toán;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; Quyết định thành lập hoặc giải thể Chi nhánh, Văn phòng đại diện và các đơn vị của Công ty;

e) Quyết định bổ nhiệm, giao kiêm nhiệm, miễn nhiệm, cách chức: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện và Trưởng phòng của Công ty. Cho ý kiến việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý khác; Quyết định mức lương của các cán bộ quản lý do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm; Báo cáo Đại hội đồng cổ đông

 22/47



việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Giám đốc Công ty;

f) Quyết định thành lập các hội đồng thường trực của Công ty; Quyết định thanh tra nội bộ;

g) Quyết định các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

h) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;

i) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;

j) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

k) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

l) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;

m) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b) Thành lập các công ty con của Công ty;

c) Thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp (hợp đồng, giao dịch với các đối tượng đặc biệt); Phê duyệt kế hoạch triển khai và giám sát việc thực hiện các hợp đồng nói trên;

d) Quyết định các hợp đồng, giao dịch khác giữa Công ty với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

e) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

f) Quyết định các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính vượt quá mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty;

g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài; Quyết định cử, uỷ quyền người đại diện phần vốn góp của Công ty tại các doanh nghiệp khác, giới thiệu để người đại diện tham gia ứng cử các chức danh quản lý chủ chốt tại doanh nghiệp khác theo đề nghị của Giám đốc Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp góp vốn;

 Nguyễn Văn Sơn 23/47



h) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i) Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

j) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k) Quyết định các biểu trưng thương hiệu, văn hóa công ty;

l) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hàng năm, Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau:

a) Hoạt động của Hội đồng Quản trị;

b) Hoạt động giám sát đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty;

c) Tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh và quyết toán tài chính trong năm tài chính của Công ty.

Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.

6. Hội đồng Quản trị có thể uỷ quyền cho các thành viên Hội đồng Quản trị đại diện cho Công ty thực hiện vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, trừ khi pháp luật có quy định khác.

7. Thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông không quyết định mức thù lao cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị thì Hội đồng Quản trị thoả thuận chia mức thù lao cho từng thành viên, hoặc nếu không thoả thuận thì tổng số tiền thù lao sẽ được chia đều cho các thành viên.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị chuyên trách thì tiền lương được hưởng như sau: Phần lương chính theo bậc lương chức danh quy định tại thang bảng lương Nhà nước; phần lương bổ sung bằng mức của Giám đốc Công ty theo quy chế trả lương của Công ty; khi đã hưởng tiền lương thì không được hưởng thù lao.

8. Tổng số tiền thù lao và tiền lương cho các thành viên Hội đồng Quản trị và số tiền trả cho mỗi thành viên phải được nêu chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ bất kỳ chức vụ điều hành nào, bao gồm cả Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, hoặc thành viên Hội đồng Quản trị kiêm những công việc nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của thành viên Hội đồng Quản

 Nguyễn Văn Tuấn 24/47

trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

10. Các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác đã chi, khi thực hiện trách nhiệm của mình, kể cả chi phí tham dự họp Hội đồng Quản trị, các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

1. Hội đồng Quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp đặc biệt được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể kiêm Giám đốc Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình và kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
- b) Chủ trì việc chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
- c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh quý và báo cáo Hội đồng Quản trị trong kỳ họp sớm nhất;
- d) Chủ tịch Hội đồng Quản trị trình Báo cáo đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính; Báo cáo về hoạt động của Hội đồng Quản trị; Báo cáo hoạt động giám sát đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty; Kế hoạch phát triển của Công ty trong tương lai.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Một thành viên Hội đồng Quản trị sẽ thay mặt Chủ tịch khi được Chủ tịch uỷ quyền. Trong trường hợp này, thành viên Hội đồng Quản trị được uỷ quyền phải thông báo cho Hội đồng Quản trị về việc uỷ quyền này.

5. Khi Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, thì Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

### **Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị**

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người

 Nguyễn Văn Tuấn 25/47

 Trần Văn Hùng

trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Giám đốc Công ty hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
- b) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị;
- c) Ban Kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải

 Nguyễn Đức Cường  26/47

được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

#### 9. Biểu quyết.

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 37 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.

12. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp

 27/47



đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp.

15. Hội đồng Quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng Quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng Quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.

16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội

 28/47



đồng Quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiêu ban hoặc Hội đồng Quản trị có thể có sai sót.

17. Mời họp dự thính: Hội đồng Quản trị có thể mời một số cán bộ quản lý của Công ty và các chuyên gia của một bên thứ ba tham dự họp Hội đồng Quản trị. Những người được mời họp dự thính không có quyền biểu quyết.

## **CHƯƠNG VIII**

### **GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY**

#### **Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có một (01) Giám đốc Công ty, các Phó giám đốc Công ty và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị được thông qua một cách hợp thức.

#### **Điều 30. Cán bộ quản lý**

1. Giám đốc Công ty có trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng Quản trị chấp thuận cơ cấu cán bộ quản lý của Công ty nhằm thực hiện quản lý Công ty theo đúng yêu cầu của Hội đồng Quản trị vào từng thời điểm. Cán bộ quản lý của Công ty phải có năng lực và luôn luôn sẵn sàng trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh theo các mục tiêu mà Hội đồng Quản trị đề ra.

Trong trường hợp cần đảm bảo lợi ích của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị hoặc một (01) thành viên Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, giao kiêm nhiệm bất cứ chức danh cán bộ quản lý nào trong Công ty.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc Công ty.

#### **Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty**

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc Công ty; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc Công ty phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm theo nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị, khi hết nhiệm kỳ thì Hội đồng Quản trị xem xét bổ nhiệm lại. Nếu Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm lại Giám đốc, thì Hội đồng Quản trị phải có

 Nguyễn Văn Thanh

29/47



trách nhiệm xem xét quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các khoản khác liên quan của Giám đốc Công ty.

3. Giám đốc Công ty phải có các tiêu chuẩn sau:

a) Phải tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các ngành kỹ thuật, kinh tế, quản trị kinh doanh và có trình độ chuyên môn về tư vấn thiết kế, có năng lực kinh doanh, tổ chức quản lý doanh nghiệp, có ít nhất 05 năm công tác trong ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty, hiểu biết pháp luật; có hiểu biết căn bản về pháp luật và nội quy của Công ty;

b) Giám đốc Công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác;

c) Có sức khỏe;

d) Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và liêm khiết.

4. Giám đốc Công ty không phải là những người sau đây:

a) Người vị thành niên;

b) Người không đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

c) Người đã bị kết án và đang thi hành án;

d) Nhân viên lực lượng vũ trang, cán bộ công chức Nhà nước;

e) Người mà trước đây từng lãnh đạo một doanh nghiệp bị phá sản;

f) Người mà trước đó đã có chứng cứ về việc vô tổ chức kỷ luật, không trung thực, tham nhũng.

5. Giám đốc Công ty có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các kế hoạch khác của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế (trừ các hợp đồng được quy định tại khoản 2 Điều 15 và khoản 4 Điều 26 Điều lệ này phải có ý kiến của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị); tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty;

c) Kiến nghị Hội đồng Quản trị tổ chức bộ máy quản lý điều hành Công ty và số lượng cán bộ quản lý, phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty. Đề xuất cho Hội đồng Quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều kiện khác khi Hội đồng Quản trị ký kết hợp đồng lao động với các cán bộ quản lý;

d) Trừ các chức danh do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức; Giám đốc Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh khác

  30/1/7

sau khi được Hội đồng Quản trị chấp thuận;

e) Quyết định cơ cấu tổ chức của các Chi nhánh Công ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Trưởng phòng, phó Trưởng phòng của Chi nhánh;

f) Sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và cắt giảm lao động, Kế hoạch lương và các khoản liên quan đến lương (nếu có), bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, phúc lợi khen thưởng đối với các bộ quản lý và người lao động theo quy định của pháp luật, Giám đốc quyết định số lượng người lao động, mức lương và phụ cấp (nếu có), lợi ích và các điều kiện khác liên quan đối với số cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm; tư vấn đề Hội đồng Quản trị quyết định mức lương, thù lao và các lợi ích khác đối với cán bộ quản lý do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

g) Xây dựng và đề xuất Hội đồng Quản trị thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và các kế hoạch khác (bao gồm kế hoạch tài chính - đầu tư, kế hoạch tiếp thị, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch quản lý năng suất - chất lượng, kế hoạch nghiên cứu khoa học - quản lý tri thức, kế hoạch phát triển tin học) của Công ty trên cơ sở các mục tiêu và chiến lược hoạt động của Công ty; vào đầu quý IV hàng năm, Giám đốc Công ty phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính.

h) Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua;

i) Chuẩn bị các báo cáo tài chính hàng năm và quý của Công ty để phục vụ cho việc giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch của Công ty. Các báo cáo tài chính bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và bao gồm những thông tin theo quy định của pháp luật và Công ty;

j) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

k) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ, các Quy chế của Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc.

6. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông khi được yêu cầu.

7. Bãi nhiệm Giám đốc Công ty: Nếu ít nhất 4/5 số lượng thành viên Hội đồng Quản trị biểu quyết tán thành, thì Hội đồng Quản trị sẽ bãi nhiệm Giám đốc và bổ nhiệm Giám đốc khác thay thế.

### **Điều 32. Thư ký Công ty**

1. Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định một Thư ký Công ty và quyết định chức năng và nhiệm vụ của Thư ký Công ty. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty bất kỳ lúc nào nhưng không được vi phạm Luật Lao động hiện hành.

 31/47





2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a) Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

b) Tham dự và lập biên bản các cuộc họp.

c) Tư vấn về thủ tục cho các cuộc họp.

d) Cung cấp thông tin theo quy định cho các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

e) Đôn đốc các chức danh quản lý của Công ty thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát. Biên tập, tổng hợp biên bản, tài liệu để quản lý và lưu giữ.

f) Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với luật pháp.

3. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

### Điều 33. Thành viên Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban Kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng Ban Kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

2. Thành viên Ban Kiểm soát phải thoả mãn các tiêu chuẩn và điều kiện dưới đây:

a) Có trình độ học vấn từ đại học trở lên;

b) Có kinh nghiệm, năng lực kinh doanh, tổ chức quản lý doanh nghiệp, tổ chức thực hiện các lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuộc phạm vi ngành nghề của Công ty;

c) Có hiểu biết về pháp luật và các nội dung cơ bản hiện hành của Nhà nước về quản lý sản xuất và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp;

d) Từ 21 tuổi trở lên, có sức khoẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và liêm khiết, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

e) Thành viên Ban Kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công



32/47



ty. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

3. Thành viên Ban Kiểm soát sẽ mất tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a) Bị mất năng lực pháp lý;
- b) Có bằng chứng chuyên môn chứng minh thành viên đó mất năng lực hành vi;
- c) Có chứng cứ chứng minh không trung thực, vô tổ chức kỷ luật, tham nhũng hoặc lợi dụng chức danh công việc cầu lợi riêng;
- d) Thành viên Ban Kiểm soát không tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong thời gian mười hai (12) tháng liên tục mà không được phép của Ban Kiểm soát;
- e) Thành viên Ban Kiểm soát xin từ chức bằng văn bản và gửi Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- f) Ngoài các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ trên đây, thành viên Ban Kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Ứng cử và đề cử thành viên Ban Kiểm soát.

a) Cổ đông hoặc người đại diện hợp pháp cho nhóm cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền ứng cử, đề cử người vào Ban Kiểm soát;

b) Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ trên mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp trở lên có quyền đề cử người để bầu vào Ban Kiểm soát. Nếu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm trên mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) thì được quyền đề cử một (01) thành viên; nếu chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) thì được quyền đề cử hai (02) thành viên; nếu từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên thì được đề cử ba (03) thành viên.

c) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm sẽ đề cử thêm ứng cử viên. Cách thức Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

6. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như bầu Hội đồng Quản trị (quy định tại khoản 6 Điều 24

  33/47

Điều lệ này).

### **Điều 34. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty trong việc quản lý và điều hành Công ty; kiểm soát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Doanh nghiệp.

5. Được Hội đồng Quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định và bãi nhiệm đơn vị kiểm toán, mức phí kiểm toán. Thảo luận với đơn vị kiểm toán về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi tiến hành kiểm toán. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà đơn vị kiểm toán muốn bàn bạc. Thẩm định ý kiến của đơn vị kiểm toán và ý kiến phản hồi.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 119 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng Quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục

 34/47

hậu quả.

9. Ban Kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban Kiểm soát đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của đơn vị kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty; xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ; xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

10. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

11. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban Kiểm soát;
- b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;
- c) Lập và ký các báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;
- d) Phân công công việc cho các kiểm soát viên phụ trách theo yêu cầu công việc của Công ty.

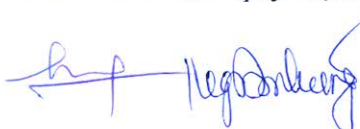

### **Điều 35. Những vấn đề khác liên quan đến Ban Kiểm soát**

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý Công ty phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ các thông tin cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị cũng sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Trong nhiệm kỳ, nếu số lượng thành viên Ban Kiểm soát giảm so với quy định tại khoản 1 Điều 33 của Điều lệ này thì Đại hội đồng cổ đông phải bầu bổ sung trong hội nghị Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Trường hợp thiếu kiểm soát viên và các kiểm soát viên còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán thì Hội đồng Quản trị phải triệu tập hội nghị Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.

3. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát mỗi năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí phát sinh hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

4. Sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban Kiểm

  35/47

soát nhưng phải họp tối thiểu bốn (04) lần mỗi năm và số lượng thành viên tham dự tối thiểu trong mỗi cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

## CHƯƠNG X

### TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

#### Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

#### Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng Quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng Quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

  36/47

b) Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

### **Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này

 Nguyễn Đức  37147

trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông như quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, yêu cầu bằng văn bản được kiểm tra danh sách cổ đông, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty; Trường hợp người khác được uỷ quyền phải xuất trình giấy uỷ quyền khi đi kiểm tra.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty có liên quan trực tiếp đến việc thực thi nhiệm vụ của mình, nhưng phải bảo mật các thông tin này.

3. Công ty phải tổ chức lưu Điều lệ Công ty và các bản sửa đổi bổ sung, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và họp Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và các loại tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu đó.

4. Điều lệ Công ty phải được đưa lên website của Công ty. Cổ đông không có điều kiện truy cập website của Công ty có quyền yêu cầu Công ty cung cấp một bản in Điều lệ Công ty.

## **CHƯƠNG XII TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ VÀ CÔNG NHÂN VIÊN**

### **Điều 40. Tổ chức Đảng, Đoàn thể và Công nhân viên**

1. Các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Phụ nữ và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ và quy định của tổ chức đó. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ và Điều lệ của mình.

2. Hội đồng Quản trị chủ trì việc xây dựng các quy chế phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty, tuân thủ pháp luật, điều lệ của tổ chức và điều lệ của Công ty nhằm phát huy tối đa vai trò của tổ chức trong việc hoàn thành mục tiêu của Công ty.

3. Giám đốc Công ty phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua

 38/47

các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.

4. Giám đốc Công ty phải lập kế hoạch đề Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

### **Điều 41. Phân phối lợi nhuận**

1. Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận của Công ty hàng năm sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước theo mức do Hội đồng Quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm trả cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Tại thời điểm chi trả cổ tức, nếu cổ đông chưa đến nhận thì Công ty sẽ không trả lãi hoặc các chi phí phát sinh liên quan đến các khoản cổ tức chưa nhận.

4. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

 Nguyễn Văn Thanh 39/47







## CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

### **Điều 42. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại một hoặc một số ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

2. Nếu được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

### **Điều 43. Trích lập các quỹ**

Lợi nhuận thực hiện hàng năm, sau khi bù lỗ năm trước (nếu có), nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, trả cổ tức cho cổ đông, trích quỹ dự phòng tài chính (bằng 5% lợi nhuận sau thuế và trích đến khi quỹ dự phòng tài chính bằng 10% vốn điều lệ Công ty), trích cho các quỹ do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định gồm:

- Quỹ đầu tư phát triển;
- Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi;
- Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban điều hành;
- Các quỹ khác nếu có.

### **Điều 44. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó (năm Dương lịch).

### **Điều 45. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

 40/47



**CHƯƠNG XV**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN,**  
**THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

**Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này, và trong thời hạn 120 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (sau khi niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (sau khi niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

**Điều 47. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**CHƯƠNG XVI**  
**KIỂM TOÁN CÔNG TY**

**Điều 48. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng Quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc

 Nguyễn Văn Mạnh 41/47

năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng không quá chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## CHƯƠNG XVII CON DẤU

### Điều 49. Con dấu

1. Công ty sử dụng một hay nhiều con dấu chính thức của Công ty theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Trước khi sử dụng, con dấu phải được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Tất cả các văn bản của Công ty khi công bố chính thức phải được Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Giám đốc ký và đóng dấu Công ty. Chữ ký của các chức danh khác trong Công ty được sử dụng con dấu theo đúng quy định về việc sử dụng con dấu trong Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Giám đốc chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật hiện hành.

## CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ CÔNG TY

### Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:



- Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật;
- Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Quyết định giải thể Công ty phải được thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền biết hoặc chấp thuận phù hợp với qui định của pháp luật hiện hành.

### Điều 51. Thanh lý công ty

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty

 Nguyễn Hùng Phan 42/47

hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban Thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ đơn vị Kiểm toán. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý Công ty sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban Thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính có thẩm quyền.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý nếu không có quy định khác của Pháp luật sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ nhân viên Công ty;
- c) Thuế và các khoản phải trả cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- e) Các khoản nợ khác của Công ty;
- f) Phần còn lại sẽ được phân chia cho các cổ đông.

## **CHƯƠNG XIX**

### **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Khi xảy ra tranh chấp hay khiếu nại về hoạt động của Công ty hoặc quyền của các cổ đông phát sinh từ các quy định của Điều lệ hoặc các quy định của Luật Doanh nghiệp và các luật khác giữa:

- a) Một cổ đông hoặc nhiều cổ đông với Công ty;
- b) Một cổ đông hoặc nhiều cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay cán bộ quản lý của Công ty.

Các bên liên quan trước hết giải quyết tranh chấp bằng thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp không liên quan đến Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ là người chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu các bên giải trình các vấn đề tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Trường hợp tranh chấp có liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thì các bên có thể chỉ định bên thứ ba bất kỳ và tổ chức Công đoàn làm trọng tài giải quyết tranh chấp.

 Nguyễn Văn Phan 43/47





2. Nếu vấn đề tranh chấp không hoà giải được trong vòng sáu (06) tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, thì một trong các bên có thể đưa tranh chấp ra Trọng tài Kinh tế hoặc Toà án Kinh tế để giải quyết; trong trường hợp này, Giám đốc Công ty sẽ là đại diện trước Pháp luật của Công ty trong quá trình tố tụng.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí phát sinh trong quá trình thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp được đưa ra toà xét xử thì Toà án sẽ phán quyết bên nào phải chịu chi phí xét xử và các chi phí liên quan.

## **CHƯƠNG XX SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ**

### **Điều 53. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ:

a) Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua khi nếu được bảy mươi lăm phần trăm (75%) trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

b) Những nội dung của Điều lệ được ghi vào đăng ký kinh doanh: Vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp... khi có nghị quyết hợp pháp về từng nội dung trên sẽ mặc nhiên là nghị quyết thay đổi Điều lệ ở những nội dung đó.

2. Trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc những quy định của pháp luật mới ban hành khác với những quy định trong Điều lệ này, thì những quy định của pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 54. Ngày hiệu lực, sao trích Điều lệ**

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 55 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất năm 2013 họp ngày 20 tháng 4 năm 2013 tại Hà Nội thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, được lưu giữ tại Công ty và nộp cho các cơ quan chức năng theo quy định.

 Nguyễn Văn Sơn  44/47

3. Điều lệ này là Điều lệ duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc chữ ký ít nhất của hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị mới có giá trị.

**Điều 55. Chữ ký của các thành viên Hội đồng Quản trị**



**Đỗ Hiến Ngang**

Handwritten signature in blue ink.

**Nguyễn Công Thắng**

Handwritten signature in blue ink.

**Đinh Đức Bộ**

Handwritten signature in blue ink.


**Nguyễn Mạnh Hùng**

Handwritten signature in blue ink.

**Phan Hoài Thanh**

## MỤC LỤC

|  |    |
|--|----|
| PHẦN MỞ ĐẦU .....  | 1  |
| CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....  | 2  |
| Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....  | 2  |
| CHƯƠNG II TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....  | 3  |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....                   | 3  |
| CHƯƠNG III LĨNH VỰC, MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....                                       | 3  |
| Điều 3. Lĩnh vực và mục tiêu hoạt động của công ty.....  | 3  |
| Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty .....  | 5  |
| CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....  | 5  |
| Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần.....  | 5  |
| Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu.....   | 6  |
| Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....  | 7  |
| Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần .....  | 7  |
| Điều 9. Thừa kế cổ phần.....   | 7  |
| Điều 10. Thu hồi cổ phần.....  | 7  |
| CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT .....   | 8  |
| Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý bao gồm.....   | 8  |
| CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....   | 8  |
| Điều 12. Quyền hạn của cổ đông .....   | 8  |
| Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....   | 10 |
| Điều 14. Đại hội đồng cổ đông .....  | 10 |
| Điều 15. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông .....  | 11 |
| Điều 16. Đại diện được ủy quyền.....   | 13 |
| Điều 17. Triệu tập hội nghị Đại hội đồng cổ đông, Chương trình và Thông báo về hội nghị Đại hội đồng cổ đông.....      | 13 |
| Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....   | 15 |
| Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại hội nghị Đại hội đồng cổ đông .....                                  | 15 |
| Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....  | 17 |
| Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông ..... | 17 |
| Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....  | 19 |
| Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....   | 19 |
| CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....   | 20 |
| Điều 24. Thành phần, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị.....                            | 20 |
| Điều 25. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.....  | 21 |
| Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị .....   | 22 |
| Điều 27. Chủ tịch Hội đồng Quản trị .....  | 25 |
| Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị .....  | 25 |
| CHƯƠNG VIII GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY....  | 29 |
| Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý .....  | 29 |

 46/47





|  |           |
|--|-----------|
| Điều 30. Cán bộ quản lý .....  | 29        |
| Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty .....  | 29        |
| Điều 32. Thư ký Công ty.....   | 31        |
| <b>CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT .....</b>   | <b>32</b> |
| Điều 33. Thành viên Ban Kiểm soát.....   | 32        |
| Điều 34. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.....   | 34        |
| Điều 35. Những vấn đề khác liên quan đến Ban Kiểm soát .....   | 35        |
| <b>CHƯƠNG X TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ .....</b> | <b>36</b> |
| Điều 36. Trách nhiệm căn trọng.....  | 36        |
| Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....   | 36        |
| Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....   | 37        |
| <b>CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....</b>   | <b>38</b> |
| Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....  | 38        |
| <b>CHƯƠNG XII TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ VÀ CÔNG NHÂN VIÊN .....</b>   | <b>38</b> |
| Điều 40. Tổ chức Đảng, Đoàn thể và Công nhân viên .....  | 38        |
| <b>CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....</b>  | <b>39</b> |
| Điều 41. Phân phối lợi nhuận.....  | 39        |
| <b>CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN .....</b>   | <b>40</b> |
| Điều 42. Tài khoản ngân hàng .....   | 40        |
| Điều 43. Trích lập các quỹ.....  | 40        |
| Điều 44. Năm tài chính .....   | 40        |
| Điều 45. Chế độ kế toán.....   | 40        |
| <b>CHƯƠNG XV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG .....</b>                                 | <b>41</b> |
| Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý .....   | 41        |
| Điều 47. Báo cáo thường niên .....   | 41        |
| <b>CHƯƠNG XVI.....</b>   | <b>41</b> |
| <b>KIỂM TOÁN CÔNG TY .....</b>   | <b>41</b> |
| Điều 48. Kiểm toán.....  | 41        |
| <b>CHƯƠNG XVII CON DẤU .....</b>   | <b>42</b> |
| Điều 49. Con dấu.....  | 42        |
| <b>CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ CÔNG TY.....</b>  | <b>42</b> |
| Điều 50. Chấm dứt hoạt động .....  | 42        |
| Điều 51. Thanh lý công ty.....   | 42        |
| <b>CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>   | <b>43</b> |
| Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....  | 43        |
| <b>CHƯƠNG XX SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....</b>   | <b>44</b> |
| Điều 53. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ .....  | 44        |
| <b>CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC.....</b>   | <b>44</b> |
| Điều 54. Ngày hiệu lực, sao trích Điều lệ .....  | 44        |
| Điều 55. Chữ ký của các thành viên Hội đồng Quản trị.....  | 45        |

 Nguyễn Văn Khoa 47147

